

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC YÊN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:16/2022/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2022

*V/v tranh chấp QSDĐ kiện đòi  
đất bị lấn chiếm.*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:*** Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Hoàng Văn Yên;

2. Bà Vũ Thị Hồng.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:*** Bà Hà Thị thu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST- TCDS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, kiện đòi đất bị lấn chiếm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-TCDS ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T), sinh năm 1961; bà Đỗ Thị Nh, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đỗ Thị Nh, sinh năm 1965

Đại chỉ: Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Lương Thị Nh, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện LY, tỉnh YB: đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn Giáp, công chức địa chính - hiện đang công tác tại UBND xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có mặt.

3.2. Anh Lê Thanh B, sinh năm 1973; Chị Hà Thị Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Hà Thị Th, sinh năm 1978 theo Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; có mặt.

**4. Người làm chứng:**

4.1. Ông Hoàng Sim, địa chỉ thôn L, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.2. Anh Trương Xuân Th, địa chỉ Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.3. Ông Nguyễn Văn Th, địa chỉ Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.4. Ông Hà Trung V, địa chỉ Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.5. Ông Vũ Việt H, địa chỉ Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.6. Ông Hà Đức H, địa chỉ Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4.7. Ông Trịnh Văn L, địa chỉ Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2020 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do diện tích đất gia đình làm nhà và đang sinh sống từ năm 1990 tại thôn 8 (nay là thôn Tát Diêu, xã Kh huyện LY tỉnh YB) bị Nhà nước thu hồi. Năm 1999 do có nhu cầu về chỗ ở mới gia đình nguyên đơn đã có đơn xin Ủy ban nhân dân xã Kh huyện LY tỉnh YB đất làm chỗ ở. Nội dung đơn chiều rộng thửa đất theo tính lộ 171 là 7m, chiều sâu thửa đất do khu vực đất hiện trạng thời điểm đó là đất đồi, nhiều cây rậm rạp không trực tiếp xác định ranh giới nên phía sau đến chân đồi cao; về diện tích thửa đất không tính được cụ thể bao nhiêu m<sup>2</sup>. Su khi được Ủy ban xã chấp nhận đơn xin đất ở và cho mượn đất nguyên đơn đã làm căn nhà 02 (hai) gian trên đất, sinh sống một thời gian do không tiện về nguồn nước sinh hoạt nên không thường xuyên ở căn nhà đó. Từ năm 1999 đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn gia đình nguyên đơn chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với việc đo đạc quỹ đất năm 2013 ông T, bà Nh không biết. Yêu cầu tòa án buộc bà Lương Thị Nh trả lại diện tích đất 51,5 m<sup>2</sup> tháo dỡ tường rào trên đất. Buộc chị Th, anh B tháo dỡ bán mái và nhà vệ sinh trên phần diện tích đất đang tranh chấp.

Tại bản tự khai, cũng như tại phiên hòa giải bị đơn bà Lương Thị Nh trình bày: Diện tích đất 51,5 m<sup>2</sup> đang tranh chấp là đất thuộc sự quản lý và sử dụng của gia đình bị đơn từ năm 1973 thời điểm bà về làm dâu và sinh sống tại gia đình nhà chồng tại Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB. Phần diện tích đất đã được đo đạc năm 2013 trong tổng diện tích đất gia đình quản lý từ trước đến nay không có tranh chấp với ai, bà Nh không chấp nhận việc trả lại đất và tháo dỡ tường rào được xây dựng khoảng năm 2005 giáp diện tích đất hộ gia đình nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc do bố

đẻ chị Hà Thị Th khai phá, gia đình sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai. Năm 2017 chị Th, anh B (là chồng chị Th) làm nhà ở, phần diện tích đất phía sau anh chị, được bà Nh cho mượn để làm nhà vệ sinh và bán mái. Nguyên đơn yêu cầu chị Th, anh B tháo dỡ công trình xây dựng là nhà vệ sinh và bán mái anh chị không đồng ý vì đất là của mẹ đẻ chị (bà Lương Thị Nh).

Quan điểm của ủy ban nhân dân xã Kh huyện LY tỉnh YB: Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp Ủy ban nhân dân xã Kh có xác nhận vào văn bản chấp thuận để bà Nh được mượn phần diện tích đất tại thôn 8 (nay là thôn Tát Diêu) năm 2013 đã T hành đo đạc tổng thể trong đó có diện tích đất của hộ gia đình bà Nh thửa đất số 101 tờ bản đồ số 12; hộ gia đình bà Nh thửa đất số 104 tờ bản đồ số 12 cả hai diện tích đất đã có tên trên sổ mục kê, khi xảy ra tranh chấp hội đồng hòa giải xã Kh huyện LY tỉnh YB đã thực hiện theo quy định của luật đất đai năm 2013, các bên không thống nhất được với nhau việc giải quyết vụ kiện trên cơ sở các tài liệu chứng yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật bảo đảm quyền lợi cho đương sự.

Người làm chứng ông S, ông V, ông H, ông L, ông Th, ông H và anh Nguyễn Xuân Th đều xác định ông Hà Xuân Kh, bà Lương Thị Nh là người sử dụng đất hiện tại có tranh chấp từ trước năm 1990, thời điểm đo ông T, bà Nh chưa đến thôn T sinh sống.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã T hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất đo được trên thực tế là 51,5 m<sup>2</sup>, tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất. Bị đơn vẫn bảo vệ quan điểm không nhất trí trả lại đất cho nguyên đơn và tháo dỡ phần tường rào trên đất. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp nhận tháo dỡ khu nhà vệ sinh; bán mái xây dựng trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bị đơn, trước khi xây dựng đã được bị đơn đồng ý cho mượn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LY tỉnh YB phát biểu việc tuân theo pháp luật và nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ kiện Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Căn cứ quy định tại Điều 101, 166, 170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 175, Điều 579 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn diện tích đất 50,7m<sup>2</sup>. Chị Th, anh B không phải thu dọn tài sản trên đất là bán mái và nhà vệ sinh trên phần diện tích đất 50,7m<sup>2</sup>. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với diện tích đất 0,8 m<sup>2</sup> buộc bị đơn trả lại diện tích đất này và tháo dỡ một phần tường rào trên đất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186; Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định một quan hệ pháp luật tranh chấp sử dụng đất, kiện đòi đất bị lấn chiếm; về thẩm quyền theo lãnh thổ nơi có bất động sản, được quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tài liệu chứng cứ: Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện, đã được tiếp cận công khai theo quy định của pháp luật là 01 bản sao đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 01 tháng 3 năm 1999; 01 sơ đồ thửa đất kèm theo đơn xin cấp đất, đơn xin cấp đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện LY, tỉnh YB. Nội dung đơn xin cấp đất do có nhu cầu về chỗ ở bà Nh đã xin Ủy ban nhân dân xã Kh cấp đất tại thôn 8 (nay là Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB). Về ranh giới, mốc giới, diện tích thửa đất (chiều rộng theo mặt đường tỉnh lộ 171 là 7m phía bắc; phía đông giáp đồi cao phía sau; phía nam giáp nhà ông Lương; phía tây giáp nhà ông Trung; chiều cao so với mặt đường là 4m, độ dày của đất là 4m) không xác định diện tích thửa đất là bao nhiêu m<sup>2</sup>. Căn cứ đơn của bà Nh Ủy ban nhân dân xã Kh đã xác nhận cho hộ gia đình nguyên đơn mượn đất. Sau khi được ủy ban xã đồng ý cho mượn đất nguyên đơn đã làm căn nhà gỗ hai gian trên đất, đối với phần đất phía sau thửa đất là 51,5 m<sup>2</sup>, theo nguyên đơn thuộc phần diện tích đất được ủy ban xã cho nguyên đơn mượn. Do bị đơn bà Nh có nhu cầu sử dụng bị đơn cho mượn nay có nhu cầu sử dụng đất nguyên đơn yêu cầu, bị đơn trả lại phần diện tích đất và tháo dỡ thu dọn công trình trên đất.

Bị đơn cung cấp 01 bản sao nội dung đơn xin đề nghị ngày 18 tháng 01 năm 1990, nội dung gia đình được Hạt kiểm lâm huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giao phần diện tích đất 2,6ha thời điểm giao đất năm 1983; do nhà nước thu hồi diện tích đất 02ha phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế tại địa phương, ảnh hưởng tới quyền lợi của gia đình, do ông Khấn là chồng bà Nh trồng các loại cây trên đất nên xin Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện LY tỉnh YB hỗ trợ giá trị tiền cây trên đất. Bị đơn sử dụng diện tích đất 51,5 m<sup>2</sup> là hợp pháp không nhất trí tháo dỡ tường rào giáp ranh giới với đất của nguyên đơn và không trả lại diện tích đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đưa ra quan điểm không đồng ý thu dọn công trình trên đất do nhà vệ sinh và bán mái được xây trên diện tích đất 51,5 m<sup>2</sup>, do chị Th, anh B đã mượn của bà Lương Thị Nh là mẹ đẻ (đất thuộc quyền sử dụng của bà Nh), đây là tài sản của chị Th, anh Bình.

Ủy ban nhân dân xã Kh huyện LY đã thu thập chứng cứ và T hành hòa giải theo quy định của luật đất đai, theo đơn kiện của ông T, bà Nh. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý của hộ gia đình bà Nh, nằm trong thửa số 104 tờ bản đồ số 12. Hai bên tranh chấp đã xác định ranh giới thửa đất thời điểm năm 2013.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2021 Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện LY, tỉnh YB giữ nguyên quan điểm diện tích đất tranh chấp 49,1 m<sup>2</sup> là đất thuộc quyền sử dụng bà Lương Thị Nh là đất vườn thuộc thửa 104 tờ bản đồ số 12 diện tích 246,9 m<sup>2</sup>.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ.

Tòa án đã thu thập chứng cứ, quyết định xem xét, thẩm định. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 3 năm 2021 xác định được như sau:

- Thửa số 2 và thửa số 3 do bà Đỗ Thị Nh xác định theo diện tích đất đơn xin cấp đất ở ngày 01 tháng 3 năm 1999.

Vị trí ranh giới như sau: Phía bắc giáp thửa số 1; phía nam giáp thửa số 4; phía tây giáp tỉnh lộ 171; phía đông giáp thửa số 3.

Diện tích là 91,4 m<sup>2</sup> (Có sơ đồ kèm theo).

- Thửa số 3 (thửa đất đang tranh chấp) vị trí ranh giới như sau: Phía bắc giáp thửa số 1; phía nam giáp thửa số 4; phía tây giáp thửa số 2; phía đông giáp thửa số 4.

Diện tích là 51,5 m<sup>2</sup> (Có sơ đồ kèm theo).

Tài sản trên đất 01 bán mái lợp tôn; 01 xây lát gạch đỏ; 01 nhà vệ sinh lợp mái bằng; 01 bể nước; tại biên bản thẩm định xác định do bà Nh làm; trên thực tế tài sản trên đất do chị Th, anh Blàm; 01 tường rào giáp thửa số 2 và thửa số 3 do bà Nh xây.

Bà Lương Thị Nh xác định đất của bà là tổng diện tích các 1,2,3,4 (trong đó thửa số 3 là thửa đang tranh chấp).

Thửa số 1 có ranh giới như sau: Phía bắc giáp đất Trịnh Văn L; phía nam giáp thửa số 2 và thửa số 3; phía tây giáp tỉnh lộ 171.

Diện tích là 7,5 m<sup>2</sup> (Có sơ đồ kèm theo).

- Thửa số 4 vị trí ranh giới như sau: Phía bắc giáp thửa số 2 và 3; phía nam giáp đất bà Phạm Thanh H, ông Hoàng Huy T, ông Hoàng Đình T, Công ty xăng dầu Yên Bái; phía tây giáp đường tỉnh lộ 171 và đường quốc lộ 70; phía đông giáp đất ông Hà Quang Hiệp.

Diện tích là 423,3 m<sup>2</sup> (Có sơ đồ kèm theo).

Về giá trị quyền sử dụng đất: Các bên thống nhất là 1.250.000 đồng/1 m<sup>2</sup>; giá trị diện tích đất tranh chấp sẽ là 51,5 m<sup>2</sup> x 1.250.000 đồng/1 m<sup>2</sup> = 64.375.000 đồng.

[4] Căn cứ chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 9 năm 2021 ông Hoàng Văn Giáp cán bộ địa chính xã Khánh Hòa huyện LY tỉnh YB cung cấp thông tin cụ thể như sau:

Diện tích đất theo nguyên đơn xin cấp năm 1999 không xác định được cụ thể là bao nhiêu m<sup>2</sup>, đến năm 2013 khi đo đạc tổng thể xác định diện tích đất bà Nh xin cấp năm 1999 xác định thuộc thửa số 101 tờ bản đồ số 12 diện tích 77,6 m<sup>2</sup>, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 09 tháng 11 năm 2021 ông Đặng Ngọc V là trưởng thôn 8 (nay là thôn Tát Diêu), xã Khánh Hòa huyện LY tỉnh YB từ năm 2009 đến năm 2017 cung cấp thông tin. Năm 2013 căn cứ kế hoạch đo đạc tổng thể quỹ đất tại xã Kh huyện LY tỉnh YB. Ông V là người dẫn đạc, chữ ký của người sử

dụng đất giáp ranh thửa đất số 101 và 104 tờ bản đồ số 12 là chữ ký của ông T và bà Nh. Đây là căn cứ khẳng định các bên đã thừa nhận ranh giới hai thửa đất phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 *“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”*.

Thửa đất số 101 có diện tích 77,6 m<sup>2</sup> trên thực tế đo đạc hiện tại. Ông T, bà Nh sử dụng diện tích đất là 91,4 m<sup>2</sup> đã lớn hơn so với diện tích đất thuộc thửa 101. Mặt khác trên thực tế phần diện tích đất đang tranh chấp 51,5 m<sup>2</sup> ( trong đó có 50,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa 104 tờ bản đồ số 12) là đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bị đơn bà Lương Thị Nh, các bên đã thừa nhận quyền sử dụng đất của nhau khi ký giáp ranh vào năm 2013.

Tuy nhiên kết quả xem xét thẩm định hiện trạng sử dụng đất, bà Nh sử dụng phần đất lấn sang thửa số 101 diện tích 0,8 m<sup>2</sup> trên đất có tường rào do bà Nh xây, xét thấy cần buộc bị đơn bà Lương Thị Nh tháo dỡ tường rào trên đất.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ như đã phân tích nêu trên có thể khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ đối với diện tích đất 50,7 m<sup>2</sup>, theo quy định của khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự thì *“người chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả cho chủ sở hữu...”*. Do yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ nên bị đơn tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 50,7 m<sup>2</sup> không phải hoàn trả theo yêu cầu của nguyên đơn, phần tường rào xây xác định ranh giới thửa đất, có một phần lấn sang thửa đất số 101 do nguyên đơn hiện đang quản lý sử dụng, do đó bị đơn tháo dỡ một phần tường rào theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ phân tích nêu trên có thể kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đối với phần diện tích 0,8 m<sup>2</sup> nên chấp nhận phần yêu cầu này, không chấp nhận phần yêu cầu đối với diện tích đất 50,7 m<sup>2</sup>.

Chị Th, anh B không phải tháo dỡ tài sản là nhà vệ sinh và bán mái trên diện tích đất 50,7 m<sup>2</sup> do yêu cầu của nguyên đơn không được tòa án chấp nhận, mặt khác bà Nh không có ý kiến nào liên quan đến việc chị Th, anh B mượn đất không yêu cầu anh chị trả lại đất. Do đó người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền sử dụng bề mặt diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bị đơn.

[5] Chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn ông Th, bà Nh; bị đơn bà Nh đều chịu chi phí xem xét, thẩm định theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Là trường hợp tranh chấp về quyền sử dụng đất, xác định diện tích đất đang tranh chấp là của ai, do tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đó; nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 101, 166, 170 khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 147,

157, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T) và bà Đỗ Thị Nh về việc kiện xác định quyền sử dụng đất là của ai.

2. Buộc bà Lương Thị Nh phải trả ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T) và bà Đỗ Thị Nh diện tích đất 0,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 101 nằm trong diện tích 51,5 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB (thửa số 3 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 3 năm 2021) địa chỉ thửa đất Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB (Có sơ đồ kèm theo) và tháo dỡ phần tường rào xây dựng trên diện tích đất 0,8 m<sup>2</sup>.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 50,7 m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất 51,5 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB (thửa số 3 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 3 năm 2021) địa chỉ thửa đất Thôn T, xã Kh, huyện LY, tỉnh YB. Về ranh giới, mốc giới thửa đất: Chiều dài cạnh tiếp giáp đất ông Trịnh Văn L 7,44m; giáp thửa số 4 dài 7,43m và 7,07m, giáp thửa số 2 dài 7,12m. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Chị Hà Thị Th, anh Lê Thanh B tiếp tục sử dụng tài sản hợp pháp là : Bán mái lợp tôn và nhà vệ sinh trên diện tích đất 50,7 m<sup>2</sup>.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T) và bà Đỗ Thị Nh phải nộp số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ 5.600.000,đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà Lương Thị Nh phải nộp 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp số tiền 5.700.000,đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ. Bị đơn bà Lương Thị Nh phải thanh toán cho ông Thiên, bà Nh số tiền 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: Ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T) và bà Đỗ Thị Nh phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền án phí 1.250.000,đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/00008323 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái. Ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T) và bà Đỗ Thị Nh được trả lại số tiền tạm ứng án phí 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận Ông Vũ Văn Th (tên gọi khác Vũ Thương T) và bà Đỗ Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lương Thị Nh phải nộp 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án đối với nội dung trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

*sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh YB;
- VKSND huyện LY;
- T.H.ADS huyện LY;
- Các đương sự;
- UBND xã Kh;
- Lưu HS,T.A,THS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đỗ Quỳnh**